

Current Status of Teaching and Learning Fine Arts Subjects in Fashion Design Training at Ho Chi Minh City University of Technology and Education

Xuan Tra Nguyen^{*1}, Thien Nhan Tran², Phuong Chi Diep¹

¹Ho Chi Minh City University of Technology and Education, Vietnam

²Ngoc Phuong garment trading manufacturing Company Limited, Ho Chi Minh City, Vietnam.

*Corresponding author. Email: tranx@hcmute.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: 11/08/2024
Revised: 20/09/2024
Accepted: 16/10/2024
Published: 28/10/2024

KEYWORDS

Fine Arts Subjects;
Fashion Design;
Teaching method;
Assessment form;
Applicability.

ABSTRACT

The Fashion Design major at Ho Chi Minh City University of Technology and Education (HCMUTE) is trained according to the viewpoint of harmonious combination of two elements of fine arts and sewing techniques. To determine the current status of teaching the Fine Arts Subjects in the Fashion Design training program at this university, these following methods were applied: Survey with a sample of 323 students and alumni, interviewing 07 lecturers participating in training this major, pedagogical observation and document analysis. The survey results show that: Students highly appreciate the training effectiveness when they suppose that they can apply Fine Arts knowledge to professional activities, teaching methods are applied flexibly, actively and students' learning forms are diverse, the assessment of learning results meets the subject objectives and learning outcomes of the program. In addition, learning objectives need to be improved in the direction of enhancing practicality and applicability; Teaching content of the Fine Arts subjects should be increased in duration and implemented in the direction of specific application to the fashion industry; Regarding teaching methods, it is necessary to strengthen the design of practical learning situations/tasks associated with the reality of the fashion industry.

Thực Trạng Dạy và Học Nhóm Môn Mỹ Thuật Trong Đào Tạo Ngành Thiết Kế Thời Trang tại Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Xuân Trà^{*1}, Trần Thiện Nhân², Diệp Phương Chi¹

¹Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Công ty TNHH sản xuất thương mại may mặc Ngọc Phương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ. Email: tranx@hcmute.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 11/08/2024
Ngày hoàn thiện: 20/09/2024
Ngày chấp nhận đăng: 16/10/2024
Ngày đăng: 28/10/2024

TỪ KHÓA

Nhóm môn Mỹ thuật;
Thiết kế thời trang;
Phương pháp dạy học;
Hình thức đánh giá;
Tính ứng dụng.

TÓM TẮT

Ngành Thiết kế thời trang (TKTT) tại trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HCMUTE) được đào tạo theo quan điểm kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố mỹ thuật và kỹ thuật may. Để xác định thực trạng dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại trường này, nghiên cứu áp dụng các phương pháp: Khảo sát bằng bảng hỏi với mẫu khảo sát là 323 sinh viên và cựu sinh viên, phỏng vấn 07 giảng viên đang tham gia đào tạo ngành này, quan sát sư phạm và nghiên cứu tài liệu. Kết quả khảo sát cho thấy: Sinh viên đánh giá cao về hiệu quả đào tạo khi cho rằng có thể vận dụng được các kiến thức Mỹ thuật vào hoạt động nghề nghiệp, các phương pháp dạy học (PPDH) được vận dụng linh hoạt, tích cực và hình thức học tập của SV đa dạng, hoạt động đánh giá kết quả học tập phần lớn đáp ứng được mục tiêu môn học và chuẩn đầu ra của chương trình. Bên cạnh đó, các mục tiêu dạy học cần tiếp tục được cải thiện theo hướng nâng cao tính thực tiễn và tính ứng dụng; Nội dung dạy học nhóm môn Mỹ thuật nên được tăng thêm thời lượng và triển khai theo hướng vận dụng cụ thể vào chuyên ngành thời trang; Về PPDH cần tăng cường xây

dựng các tình huống/ nhiệm vụ học tập thiết thực, gắn với thực tiễn ngành thời trang.

Doi: <https://doi.org/10.54644/jte.2024.1638>

Copyright © JTE. This is an open access article distributed under the terms and conditions of the [Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/) which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium for non-commercial purpose, provided the original work is properly cited.

1. Giới thiệu

Ngành Thiết kế thời trang (TKTT) được đào tạo trình độ đại học tại Việt Nam từ giữa những năm 90 của thế kỷ 20, bắt đầu từ trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội [1]. Đến đầu thế kỷ 21, các trường đại học ở miền Nam cũng đã bắt đầu mở đào tạo ngành này, trong đó có trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HCMUTE) kể từ năm 2001. Ba khóa ban đầu, HCMUTE đào tạo ngành TKTT theo hướng đào tạo kỹ sư với phần đại cương sinh viên TKTT học chung với các ngành khối kỹ thuật, vào chuyên ngành thì học nghiêng về Kỹ thuật may, tốt nghiệp được cấp bằng kỹ sư. Tuy nhiên, nhận thấy đặc thù của ngành TKTT là thuộc nhóm Mỹ thuật ứng dụng với sự nhấn mạnh yếu tố mỹ thuật và sáng tạo, HCMUTE đã điều chỉnh quan điểm đào tạo theo hướng đưa các môn học Mỹ thuật gần hơn với nghề TKTT, hài hòa hai yếu tố Kỹ thuật may và Mỹ thuật trong đào tạo TKTT và cấp bằng cử nhân cho sinh viên tốt nghiệp kể từ khóa thứ tư (năm 2004). Đến nay, ngành TKTT tại HCMUTE thu hút nhiều bạn trẻ có năng khiếu và đam mê nghệ thuật với chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên (SV) nền tảng kiến thức về mỹ thuật, nghệ thuật, màu sắc, hoa văn, chất liệu sản phẩm thời trang bên cạnh kỹ thuật may... Mỹ thuật là loại hình nghệ thuật trực quan với các yếu tố như hình khối, màu sắc, đường nét, bố cục, nhịp điệu... [2]. Nhóm môn Mỹ thuật sẽ cung cấp cho SV ngành TKTT những kiến thức về hình khối, màu sắc, bố cục... để ứng dụng vào ngành TKTT. Theo chương trình đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE, nhóm môn Mỹ thuật bao gồm các môn học sau đây: (1) Bố cục trong thiết kế mỹ thuật; (2) Hình họa cơ bản; (3) Hình họa màu; (4) Khoa học màu sắc; (5) Lịch sử mỹ thuật; (6) Nguyên lý thị giác; (7) Thực hành hình họa nâng cao; (8) Thực hành ký họa; (9) Thực hành vẽ minh họa thời trang nâng cao; (10) Vẽ minh họa thời trang cơ bản; (11) Vẽ mỹ thuật căn bản; (12) Vẽ mỹ thuật nâng cao [3].

Dạy và học là hoạt động kép đan xen và tương tác lẫn nhau của quá trình dạy học nhằm chuyển biến nội dung dạy và học hướng đến đạt các mục tiêu học tập, qua đó đạt mục tiêu đào tạo [4]. Việc dạy và học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT được triển khai khác nhau ở các nước khác nhau trên thế giới. Ví dụ: Trường Parsons New School tại New York, Mỹ chú trọng cho SV học tập khám phá các khái niệm, kỹ năng, thực hành quan trọng trong nghệ thuật và thiết kế [5], [6]; Trường ESMOD tại Pháp ở cuối mỗi năm học yêu cầu SV hoàn thành hồ sơ học tập và thuyết trình trước ban giám khảo [7]; Viện Marangoni tại Ý kết hợp phương pháp học tập theo dự án và học tập trải nghiệm (tham dự hội thảo, chuyên đề, các cuộc thi...) nhằm khuyến khích SV tìm hiểu, giải quyết vấn đề qua làm việc độc lập lẫn làm việc nhóm [8]; Viện Công nghệ Thời trang Quốc gia Hanzhong (NIFT) của Ấn Độ cho SV kết hợp làm việc với nghệ nhân nông thôn bản địa để phát huy nghề thủ công truyền thống [9] v.v... Để làm rõ thực trạng dạy và học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE, Việt Nam, nghiên cứu sau đây được tiến hành nhằm tạo cơ sở khoa học cho việc xem xét thực trạng (qua đó phản ánh chất lượng) đào tạo nhóm môn này làm nền tảng cho việc tiếp tục cải thiện chất lượng đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE nói riêng và tại các trường đại học có đào tạo ngành TKTT nói chung tại Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Chiến lược nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng một số phương pháp sau đây để khảo sát thực trạng dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE:

- Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn (giảng viên và sinh viên) để tìm hiểu về việc dạy và học nhóm môn Mỹ thuật ngành TKTT tại HCMUTE.

- Phương pháp quan sát sư phạm để tìm hiểu về thực trạng các hình thức dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo TKTT tại HCMUTE.

- Phương pháp phân tích tài liệu để tìm hiểu về mục tiêu, nội dung nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT và nền tảng của các giảng viên (GV) phụ trách đào tạo nhóm môn Mỹ thuật tại HCMUTE.

2.2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát nhằm thu thập thông tin về thực trạng dạy và học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành Thiết kế thời trang tại HCMUTE, làm cơ sở cho các nghiên cứu về cải thiện chất lượng dạy và học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành Thiết kế thời trang tại HCMUTE nói riêng và tại các trường khác nói chung.

2.3. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu làm rõ hai nhóm thực trạng gồm: (1) Thực trạng nhận thức và đánh giá của giảng viên liên quan đến mục tiêu dạy học, nội dung, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá kết quả học tập nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT và (2) Thực trạng hoạt động học, mức độ vận dụng kiến thức và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE.

2.4. Đối tượng khảo sát

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành:

- Phòng vấn 07 giảng viên (GV) bộ môn ngành TKTT đang giảng dạy tại HCMUTE.
- Khảo sát bằng bảng hỏi 323 SV ngành TKTT, HCMUTE (trong đó có 203 SV hiện đang học năm 1,2,3,4 tại trường và 120 cựu SV đã tốt nghiệp trong 4 năm gần đây).

Khảo sát được thực hiện từ tháng 12.2023 đến tháng 3.2024 với hình thức phỏng vấn trực tiếp và phát phiếu khảo sát trực tiếp.

2.5. Phương pháp xử lý dữ liệu

2.5.1. Xử lý dữ liệu định lượng

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê toán học bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 22 để xử lý dữ liệu định lượng thu được từ kết quả khảo sát SV và cựu SV ngành TKTT, HCMUTE.

2.5.2. Xử lý dữ liệu định tính

Nghiên cứu sử dụng phương pháp logic, phân tích nội dung và đối chiếu để làm rõ các thông tin thu thập được từ kết quả phỏng vấn GV bộ môn TKTT, HCMUTE.

2.6. Quy ước thang đo

Nghiên cứu đã sử dụng thang đo Likert 05 mức độ từ 1 đến 5 để đo lường mức độ với các yếu tố liên quan đến hoạt động học các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT. Quy ước thang đo như sau:

Bảng 1. Bảng quy ước thang đo

Điểm quy ước	Mức độ đồng ý	Mức độ thực hiện	Mức độ vận dụng
1	Hoàn toàn không đồng ý	Hoàn toàn không thực hiện	Hoàn toàn không vận dụng
2	Không đồng ý	Ít khi thực hiện	Ít khi vận dụng
3	Trung lập	Thỉnh thoảng thực hiện.	Thỉnh thoảng vận dụng.
4	Đồng ý	Thực hiện thường xuyên.	Vận dụng thường xuyên.
5	Hoàn toàn đồng ý	Thực hiện rất thường xuyên.	Vận dụng rất thường xuyên.

Ghi chú: Thang đo Likert 5 mức độ ở đây được quy ước về giá trị trung bình như sau

1.00 – 1.80: Hoàn toàn không đồng ý/ Hoàn toàn không thực hiện/ Hoàn toàn không quan trọng.

- 1.81 – 2.60: Không đồng ý/ Ít thực hiện/ Ít khi vận dụng.
 2.61 – 3.40: Trung lập/ Thỉnh thoảng thực hiện/ Thỉnh thoảng vận dụng.
 3.41 – 4.20: Đồng ý/ Thực hiện thường xuyên/ Vận dụng thường xuyên.
 4.21 – 5.00: Hoàn toàn đồng ý/ Thực hiện rất thường xuyên/ Vận dụng rất thường xuyên.

2.7. Độ tin cậy của thang đo

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 200 phiếu và thu về 186 phiếu hợp lệ. Trong đề tài này, các kết quả của phân tích hệ số Cronbach's Alpha đã được thực hiện để đánh giá độ tin cậy thang đo. Các giá trị của hệ số Cronbach's Alpha dao động trong khoảng 0.86 đến 0.91, các giá trị này lớn hơn mức ngưỡng 0.8, thang đo lường đạt mức rất tốt [10]. Do đó, tất cả các biến của nội dung khảo sát trong nghiên cứu là đáng tin cậy.

3. Kết quả và bàn luận

Sau khi tiến hành khảo sát, chúng tôi thu được một số kết quả sau đây về thực trạng dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE.

3.1. Nhận thức của GV về mục tiêu dạy học các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

Khi đặt câu hỏi về sự nhận thức, đánh giá của giảng viên (GV) về các mục tiêu dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE cho 07 GV tham gia khảo sát, có 2/7 GV nhận định rằng mục tiêu theo chương trình đào tạo hiện nay *hoàn toàn phù hợp*, đáp ứng được chuẩn đầu ra của ngành; và 5 GV còn lại đánh giá các mục tiêu này ở mức độ *tương đối phù hợp*. Trao đổi sâu hơn về vấn đề này, các GV cho biết rằng mục tiêu các môn Mỹ thuật tuy có gắn kết với ngành TKTT nhưng vẫn chưa được phát biểu cụ thể về khả năng ứng dụng trong ngành TKTT như ở một số môn Bổ cục trang trí, Nguyên lý thị giác, Khoa học màu sắc. GV1 chia sẻ: "*Môn Vẽ minh họa thời trang nâng cao chưa định hướng đủ kiến thức nâng cao so với cơ bản, chưa giúp SV về đạt trình độ cao để triển khai từng bài tập áp dụng vào ngành TKTT được tốt hơn và sáng tạo hơn*". GV3 cho biết: "*Khi tổ chức dạy học, tôi sẽ trình bày rõ mục tiêu cần đạt cũng như khả năng ứng dụng của môn học vào chuyên ngành để SV chuẩn bị tâm thế học tập, hướng SV đến những kiến thức, những nhiệm vụ học tập để đạt được mục tiêu đó*". Kết hợp với việc phân tích tài liệu, tìm hiểu các mục tiêu của nhóm môn Mỹ thuật trong chương trình đào tạo, nhóm nghiên cứu nhận thấy các mục tiêu dạy học được phát biểu rõ ràng nhưng còn tương tự nhau (ví dụ như môn Vẽ minh họa thời trang cơ bản và môn Vẽ minh họa thời trang nâng cao; môn Vẽ mỹ thuật cơ bản và môn Vẽ mỹ thuật nâng cao) và chưa nêu bật tầm quan trọng của môn học đó với chuyên ngành.

Như vậy, các GV có nhận thức tương đối đúng hướng và chuyên sâu, cho rằng các mục tiêu dạy học của nhóm môn Mỹ thuật cần được tiếp tục cải thiện theo hướng hướng đến tính thực tiễn, tính sáng tạo, tăng cường các mục tiêu về kỹ năng thực hành và áp dụng vào nghề nghiệp TKTT. Đây là cơ sở cần thiết để xây dựng/ điều chỉnh mục tiêu cụ thể từng bài học khi nghiên cứu hướng cải thiện chất lượng đào tạo nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT.

3.2. Đánh giá của GV về nội dung dạy học các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

Khi đánh giá về ưu điểm và nhược điểm của nội dung dạy học cho nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE hiện nay, các GV có những nhận định được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 2. Đánh giá của GV về nội dung dạy học các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

Ưu điểm	Tỉ lệ GV đồng ý	Nhược điểm	Tỉ lệ GV đồng ý
Cung cấp kiến thức mỹ thuật căn bản, đầy đủ cho chuyên ngành.	4/7	Tính vận dụng vào nghề nghiệp chưa cụ thể.	5/7
Phát triển được tư duy sáng tạo cho SV.	2/7	Thời gian cho môn học còn hạn chế nên chưa truyền tải hết được nội dung.	3/7
Đáp ứng được nhu cầu nghề nghiệp.	2/7	Tính cập nhật xu hướng chưa cao.	2/7

Kết quả phỏng vấn cho thấy, có 4/7 GV tham gia phỏng vấn đồng ý với ưu điểm “Nội dung đào tạo cung cấp cho SV kiến thức mỹ thuật cơ bản, đầy đủ cho chuyên ngành”. TKTT là một phân nhánh thuộc ngành Mỹ thuật ứng dụng, vậy nên kiến thức mỹ thuật là cốt lõi để SV phát huy được tính ứng dụng vào chuyên ngành. Theo kết quả nghiên cứu tài liệu, các GV giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật tại HCMUTE đều được đào tạo từ các trường Mỹ thuật chuyên nghiệp, đảm bảo được kiến thức chuyên môn cho các môn học này. Đó có thể cũng là lí do lí giải cho việc đa số GV khi được phỏng vấn thì đồng ý với nhận định rằng kiến thức mỹ thuật ở nhóm môn Mỹ thuật trong chương trình đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE là “căn bản, đầy đủ”. Ưu điểm “Phát triển được tư duy sáng tạo cho SV” và “Đáp ứng được nhu cầu nghề nghiệp” chỉ được 2/7 GV đồng ý. Điều này cho thấy GV đánh giá nội dung dạy học các môn Mỹ thuật trong TKTT chưa thật phát triển được tư duy sáng tạo cho SV. Như vậy, nguyên nhân có thể vì cách chuyển tải nội dung dạy học này, hay nói cách khác là cách vận dụng các phương pháp giảng dạy đã chưa thực sự phát huy được tính sáng tạo cho SV. Đây là khoảng trống mà có thể tiếp tục nghiên cứu nhằm cải tiến phương pháp dạy học nhóm ngành Mỹ thuật, giúp khắc phục nhược điểm này.

Trao đổi rõ hơn về vấn đề tại sao 5/7 GV được phỏng vấn lại cho rằng nội dung dạy học các môn Mỹ thuật có nhược điểm là “Tính vận dụng vào nghề nghiệp chưa cụ thể”, có GV2 cho biết số nội dung này chỉ thể hiện được mức độ ứng dụng khi SV chủ động liên hệ kiến thức với nghề nghiệp. GV3 nêu ý kiến rằng các GV giảng dạy các lý thuyết Mỹ thuật căn bản với mong muốn giúp SV rèn luyện tư duy thẩm mỹ và sáng tạo trong ngành TKTT, thế nhưng số lượng SV chủ động trong việc học và liên hệ thực tế vẫn chưa thực sự hiệu quả. Các GV trực tiếp giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật cho rằng thời lượng cho các môn Mỹ thuật có phần còn khá ít nên chưa truyền tải được hết nội dung mong muốn. GV1 cho biết: “Môn Hình họa thời lượng học còn khá ít, cần thêm thời gian để SV vẽ trang phục khoác trên người, ma-nơ-canh hoặc tượng để diễn tả sâu; môn Vẽ minh họa thời trang nâng cao cần có bài tập vẽ trang phục phức tạp về vải và chất liệu; môn Nguyên lý thị giác cần thêm bài tập về ứng dụng trong thời trang thay vì các bài tập về kiến thức mỹ thuật cơ sở hay ứng dụng trong đồ họa”. GV5 cũng cho rằng các SV chưa biết sắp xếp thời gian học tập từng môn gây ảnh hưởng đến chất lượng sáng tạo các môn Mỹ thuật. Bên cạnh đó, các GV giảng dạy các môn kỹ thuật chuyên ngành TKTT (không trực tiếp giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật) đề cao tính cập nhật xu hướng trong nội dung dạy học các môn Mỹ thuật thay vì chỉ giảng dạy nội dung Mỹ thuật thuần túy. Cập nhật xu hướng thời trang góp phần gắn kết kiến thức Mỹ thuật với chuyên ngành TKTT, làm tăng hứng thú học tập của SV, rút ngắn khoảng cách giữa nhóm môn Mỹ thuật với nhóm môn Kỹ thuật TKTT.

3.3. Thực trạng GV sử dụng phương pháp dạy học trong DH nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

Theo kết quả phỏng vấn, các GV liệt kê những phương pháp dạy học (PPDH) đã được sử dụng trong giảng dạy các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT dựa trên tính đặc thù của lĩnh vực và các yếu tố khách quan khác như trong Bảng 3. dưới đây.

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn GV về các phương pháp dạy học được sử dụng cho nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

STT	PP dạy học	Tỉ lệ GV cùng quan điểm
1	PPDH trực quan: thuyết trình, trình chiếu	4/7
2	PP diễn trình – làm mẫu	4/7
3	PPDH thực hành	3/7
4	PP đàm thoại	1/7
5	PP nêu và giải quyết vấn đề	2/7
6	Dạy học theo tình huống	2/7
7	Dạy học theo dự án	1/7

Do đặc thù các kiến thức Mỹ thuật được hình thành qua hoạt động quan sát, PPDH trực quan được đa số các GV kê tên. *Phương pháp diễn trình – làm mẫu* là một trong những PPDH phù hợp trong đào tạo thực hành, trong đó, GV trình bày các thao tác với đồ dùng dạy học cho người học quan sát để có nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng hoặc thao tác kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp [11, tr.292], Do vậy, đây cũng là phương pháp truyền thống trong đào tạo mỹ thuật. Trong giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật, GV đưa ra quy trình các bước cụ thể và một số bài mẫu, sau đó yêu cầu SV thực hiện bài tập tương tự. Tuy nhiên, các GV vẫn bày tỏ mong muốn SV sẽ thực hiện tốt hơn các bài mẫu, lấy bài mẫu làm kinh nghiệm để sáng tạo. Cùng với đó, *phương pháp thực hành* giúp SV rèn luyện kỹ năng một cách hiệu quả bằng cách GV giải thích, làm mẫu, SV quan sát và tự lực luyện tập [12]. Qua quan sát sự phạm các lớp thuộc nhóm môn Mỹ thuật, có thể nhận thấy phương pháp thực hành được áp dụng rất nhiều với sự luyện tập tích cực của SV và sự kèm cặp của GV, các GV thường xuyên chỉ dẫn tận tay và chỉnh sửa trực tiếp cho SV.

Ngoài ra, một số PPDH tích cực khác đã được các GV sử dụng trong giảng dạy nhằm tạo động lực học tập cho SV như: *Phương pháp đàm thoại*, *phương pháp nêu và giải quyết vấn đề*, *dạy học theo tình huống* và *dạy học theo dự án*. Trong đó, *phương pháp đàm thoại* là phương pháp hỏi đáp trong dạy học, GV đặt ra câu hỏi, khích lệ và gợi mở để SV trả lời, từ đó rút ra kiến thức mới, củng cố hoặc kiểm tra kiến thức cũ [4]. *Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề* là PPDH mà trong đó, người học được đặt vào các tình huống có vấn đề và thông qua việc giải quyết vấn đề thì người học lĩnh hội được tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức, đặc biệt là phát triển được năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo [12, tr. 128]. *Dạy học theo tình huống* là việc dạy học được tổ chức theo các chủ đề phức hợp gắn với các tình huống thực tiễn của cuộc sống và nghề nghiệp, coi trọng việc tạo môi trường học tập có kết nối sự kiến tạo tri thức cá nhân với mối quan hệ xã hội [13, tr.121]. *Dạy học theo dự án* là phương pháp dạy học bắt nguồn từ thế kỷ 16 tại châu Âu khi sinh viên kiến trúc tại Học viện kiến trúc Hoàng Gia Ý phải thực hiện các dự án như thiết kế lâu đài, đài tưởng niệm v.v... [13, tr. 182]. Ở phương pháp này, người học cần thực hiện theo nhóm nhiệm vụ học tập phức hợp, yêu cầu kết nối lý thuyết và thực hành cũng như các kiến thức, kỹ năng liên chuyên ngành để giải quyết được nhiệm vụ học tập mang tính tình huống thực tế một cách độc lập, tạo ra sản phẩm học tập. Phương pháp này cũng rất phù hợp cho đào tạo nhóm môn Mỹ thuật. Kết quả phỏng vấn kết hợp kết quả quan sát sự phạm cho thấy, các GV dạy nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE trong thực tiễn đã kết hợp các PPDH linh hoạt để phù hợp với đa số SV, giúp giờ học thêm sinh động, hấp dẫn, và tạo niềm đam mê, hứng thú cho SV. Tuy nhiên, việc sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống và dạy học theo dự án vẫn còn hạn chế.

Để mở rộng, nhóm nghiên cứu còn đặt câu hỏi: “Theo quý Thầy/Cô, việc đưa các tình huống, nhiệm vụ học tập gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp có cần thiết khi giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT hay không? Vì sao?” cho các GV. Kết quả thu được có 5/7 GV (trong đó có 01 GV dạy nhóm môn Mỹ thuật) đồng ý với việc đưa các tình huống, nhiệm vụ học tập gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp. TKTT thuộc Mỹ thuật ứng dụng, yếu tố Mỹ thuật phải được đặt song song với ứng dụng vào thực tiễn. Cụ thể, GV1 đã trình bày quan điểm: “*Các mảng việc làm của lĩnh vực TKTT rất đa dạng, tùy vào phạm vi sản xuất của từng công ty; vì thế, tình huống và nhiệm vụ học tập cần bám sát theo thực tiễn các doanh nghiệp; ví dụ công việc của công ty sản xuất đồ lót khác với công việc thiết kế và sản xuất đồ cưới, đồ dạ hội*”. Bên cạnh đó, các GV cũng nêu ra các lưu ý về mức độ vận dụng và thể hiện tính xu hướng của thời trang trong xây dựng tình huống, nhiệm vụ học tập. Tùy mỗi môn học, mức độ vận dụng vào nghề nghiệp sẽ ở mức 10-20%, 50% hoặc 70-80%. GV3 chia sẻ: “*Không nên quá khắt khe và yêu cầu quá nhiều sản phẩm học tập từ phía SV để tránh gây quá tải cho SV. Việc tạo hứng thú trong học tập cho SV là điều quan trọng, có thể kết hợp với các xu hướng thời trang trong xây dựng nhiệm vụ học tập để giúp SV có cái nhìn hiện đại và thiết thực hơn*”. GV 6 đề xuất: “*Với chủ đề diễn tả chất liệu trong môn Vẽ minh họa thời trang cơ bản, GV có thể gợi ý cho SV các chất liệu theo xu hướng hiện hành; môn Nguyên lý thị giác, GV có thể giao nhiệm vụ học tập cho SV ứng dụng họa tiết lên trang phục phù hợp hoặc biến đổi các họa tiết như thế nào để phù hợp với thể loại trang phục*”. Mặt khác, với câu hỏi phỏng vấn như trên, có 02 GV đang giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật đã đưa ra câu trả lời ở mức độ tương đối đồng ý. GV4 và GV5 đều cho rằng kiến thức Mỹ thuật mới là cốt lõi, cần đặt yếu tố này

lên hàng đầu vì SV ngành TKTT phải có kiến thức Mỹ thuật để từ đó hình thành tư duy thẩm mỹ; nếu không nắm vững kiến thức Mỹ thuật, SV TKTT sẽ dễ bị nhầm lẫn với SV ngành may mặc hoặc một ngành khác có liên quan.

Nhìn chung, PPDH tích cực dành cho các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT có được các GV đang đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE quan tâm và áp dụng nhưng vẫn còn hạn chế ở những GV trực tiếp giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật. Từ đó có thể thấy, việc sử dụng các PPDH tích cực để tổ chức dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT cần được cân nhắc cho phù hợp với thực trạng giảng dạy kết hợp với tính hiện đại, đổi mới trên cơ sở phát triển những phương pháp hiện tại mà vẫn đảm bảo yếu tố Mỹ thuật và Kỹ thuật song hành.

3.4. Thực trạng hình thức tổ chức dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

Có nhiều hình thức tổ chức dạy học khác nhau như tổ chức dạy *tại không gian lớp học/ lên lớp* (nghe giảng, thực hành, thí nghiệm...), tổ chức *hoạt động ngoại khóa* (tham quan, tìm hiểu, câu lạc bộ...) [4], *dạy học trực tuyến* [13], *lớp học mở* kiểu dạy học định hướng hành động [14]. Khi tìm hiểu về hình thức tổ chức dạy học nhóm môn Mỹ thuật, áp dụng phương pháp quan sát sư phạm, nhóm tác giả nhận thấy đa số các tiết học của các môn Mỹ thuật ngành TKTT tại HCMUTE được tổ chức *tại không gian lớp học*. Qua trao đổi với các GV đang giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật, các GV cho biết còn tổ chức hình thức *dạy học trực tuyến* cho các nội dung về lý thuyết, trao đổi thông tin qua mạng xã hội (nhóm chat trên zalo, facebook,...), tổ chức *lớp học không gian mở* (trong khuôn viên trường) hay tổ chức cho SV *đi thực tế ngoài khuôn viên trường* (ví dụ như đến bảo tàng mỹ thuật, làng nghề tại địa phương...). Các GV không trực tiếp giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật cũng có những đề xuất cá nhân về hình thức tổ chức đi thực tế. GV3 nhấn mạnh về mục đích của những chuyến đi thực tế: lựa chọn điểm đi phù hợp, liên quan mật thiết đến lĩnh vực TKTT. GV6 chia sẻ: “*Có thể tổ chức cho SV đi khảo sát thị trường tại các trung tâm thương mại để quan sát các sản phẩm thời trang, tìm ra các yếu tố Mỹ thuật được thể hiện trong thời trang*”.

Nhóm nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu mở rộng hình thức tổ chức dạy học của các GV qua việc *quan sát sư phạm* (quan sát các lớp học Mỹ thuật) với hai tiêu chí: (1) Tổ chức linh hoạt các hình thức dạy và học, kích thích sự tập trung của SV, (2) Tổ chức cho SV không gian tự tìm hiểu, khám phá kiến thức mới. Kết quả nhận thấy, các hình thức dạy học nhóm môn Mỹ thuật ngành TKTT tại HCMUTE chưa đáp ứng thật tốt được 02 tiêu chí này, ngoại trừ những buổi học được áp dụng PPDH theo dự án. Từ đó dẫn đến tình trạng SV khá mất tập trung trong các buổi học, ảnh hưởng đến chất lượng triển khai các nhiệm vụ học tập.

Vì vậy, hình thức tổ chức dạy học phù hợp, linh hoạt, đa dạng và thêm tính chất mở đáp ứng đặc thù của ngành TKTT là một trong những yếu tố cần cân nhắc khi tổ chức dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT, nhằm kích thích sự tập trung, sự thích thú của SV, mang lại hiệu quả dạy học trong từng môn học.

3.5. Thực trạng hoạt động đánh giá kết quả học tập các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

Các GV tham gia phỏng vấn đã liệt kê một số phương pháp đánh giá đã áp dụng với nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT, được khái quát trong bảng 4.

Trong đó, *đánh giá quá trình* là sự đánh giá chính thức hoặc không chính thức được tiến hành suốt quá trình dạy và học nhằm nhận ra và phản hồi về việc học của người học với mục đích cải thiện việc dạy và học [15], [16]. *Đánh giá kết thúc* (mà một tiêu biểu là đánh giá cuối kì) là sự ghi nhận thành tựu học tập của người học một cách có hệ thống tập trung vào thời điểm đầu ra của một đơn vị học tập [17], [18].

Các GV trực tiếp giảng dạy các môn Mỹ thuật khi được phỏng vấn đã cho rằng họ đã và đang sử dụng nhiều nhất là *phương pháp kiểm tra sự thực hiện qua các bài tập thực hành* của SV và đánh giá qua *bài tiểu luận cuối khóa* theo bộ tiêu chí đánh giá đặc thù của chuyên môn Mỹ thuật. Đa số các GV tham gia khảo sát cũng quan tâm đến việc kết hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá để tăng tính khách quan và độ chuẩn xác. Tổ chức đánh giá theo hội đồng cho các bài tập lớn có tạo ra sản phẩm thời

trang của SV cũng là một đề xuất thiết thực. Ngoài các phương pháp đánh giá từ phía GV, “*Phương pháp tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau giúp SV ý thức được trách nhiệm bản thân với kết quả học tập của mình*” – GV2 chia sẻ thêm.

Bảng 4. Các hoạt động đánh giá kết quả học tập các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT qua phỏng vấn GV

Hình thức ĐG	PP ĐG	Công cụ ĐG	Tỉ lệ GV cùng quan điểm
ĐG quá trình	Quan sát	Hồ sơ học tập	2/7
	Trắc nghiệm online	Bộ câu hỏi trắc nghiệm	2/7
	Kiểm tra sự thực hiện (bài tập thực hành)	Bộ tiêu chí ĐG	4/7
	Trả lời câu hỏi ngắn	Câu hỏi tự luận/ Vấn đáp	1/7
	Tự ĐG	Bộ tiêu chí ĐG	1/7
ĐG cuối kì	Quan sát	Hồ sơ học tập	2/7
	Kiểm tra sự thực hiện (sản phẩm thời trang)	Bộ tiêu chí ĐG	4/7
	Qua thực hiện dự án học tập	Bộ tiêu chí ĐG	1/7
	Bài tiểu luận	Bộ tiêu chí ĐG	4/7

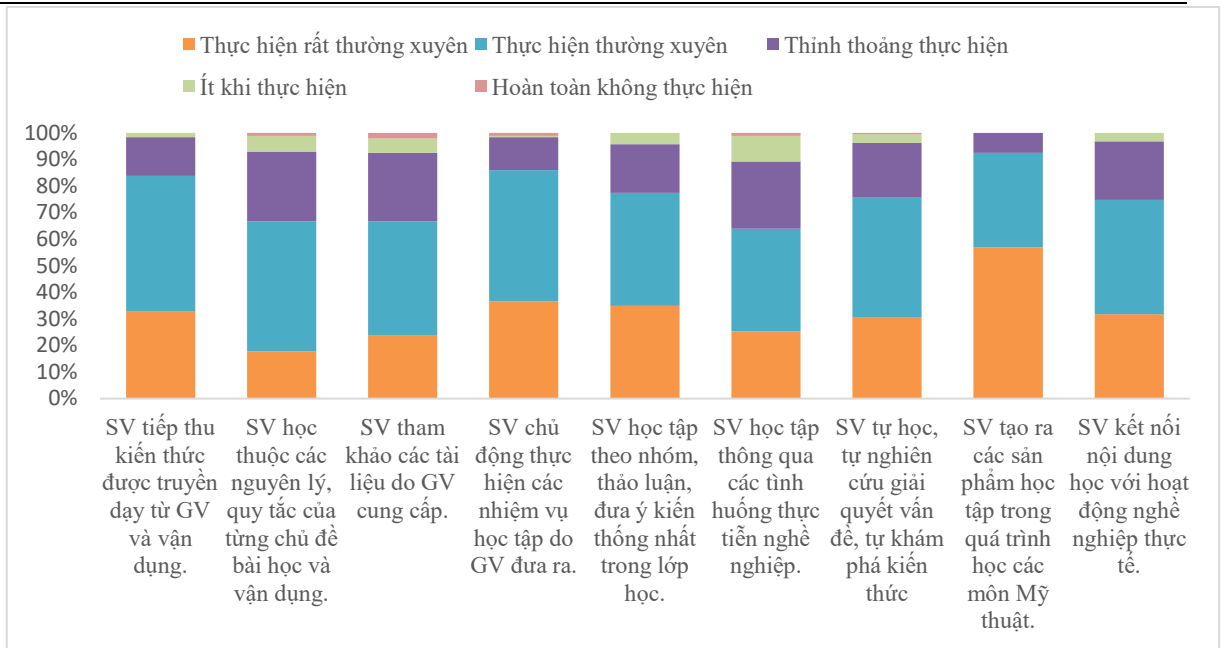
Khi được đặt câu hỏi: “Theo quý Thầy/Cô, đánh giá kết quả học tập nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT có nên gắn với yếu tố nghề nghiệp thực tiễn trong tương lai không?”, tất cả GV đều trả lời “Có” và mỗi GV đưa ra những lý do riêng. GV1 cho biết “*Ngoại trừ môn Vẽ mỹ thuật căn bản và Hình họa căn bản tập trung vào kiến thức mỹ thuật căn bản thì các môn còn lại nên đưa yếu tố nghề nghiệp vào hoạt động đánh giá kết quả học tập*”. Một số GV cùng quan điểm về tính ứng dụng của nhóm môn Mỹ thuật trong TKTT thể hiện qua yếu tố nghề nghiệp, nên việc đưa yếu tố này vào hoạt động đánh giá kết quả học tập là vô cùng cần thiết để giúp SV chủ động giải quyết được các tình huống thực tiễn trong tương lai. GV7 chia sẻ “*Đánh giá phù hợp với nhóm môn Mỹ thuật sẽ tạo mối liên kết và hỗ trợ cho các môn học khác trong chuyên ngành TKTT*”. Bên cạnh đó, GV5 còn nhấn mạnh “*Chẳng những đánh giá về kiến thức mà cần đánh giá cả về thái độ làm nghề, tinh thần trách nhiệm*”. Điều đó cho thấy, chẳng những đánh giá qua sản phẩm học tập mà còn đánh giá quá trình làm để rèn luyện thái độ làm nghề.

Với thực trạng trên, hoạt động đánh giá kết quả học tập các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT hiện nay phần lớn đáp ứng được mục tiêu môn học và chuẩn đầu ra của ngành TKTT. Kết hợp đánh giá quá trình, sản phẩm học tập cũng như tinh thần trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Hình thức đánh giá kết quả học tập tương đối đa dạng nhưng chỉ áp dụng ở một số môn học có yêu cầu SV làm ra sản phẩm thời trang qua thực hiện dự án học tập. Ở các môn học về lý thuyết Mỹ thuật như môn Nguyên lý thị giác hay Bố cục trang trí, do bám sát mục tiêu nên hoạt động đánh giá kết quả học tập còn thiên về Mỹ thuật thuần túy.

3.6. Thực trạng hoạt động học các môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

Qua khảo sát, nhóm nghiên cứu ghi nhận các biểu hiện hoạt động học tập của SV ngành TKTT tại HCMUTE được thể hiện qua Hình 1.

Hình 1. cho thấy, các SV sử dụng nhiều phương pháp học tập khác nhau, vì các môn Mỹ thuật được khảo sát ở đây bao gồm cả môn tích hợp lý thuyết – thực hành và môn học thực hành. Yếu tố “SV học tập thông qua các tình huống thực tiễn nghề nghiệp” với 72 SV (38.7%) thực hiện thường xuyên, 65 SV (34.9%) thực hiện rất thường xuyên, chiếm tỉ lệ thấp hơn các yếu tố còn lại. Từ đó cho thấy, người GV cần tạo nhiều tình huống gắn với thực tiễn nghề nghiệp hơn trong dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT để người học nắm bắt được kiến thức liên quan trực tiếp đến nghề nghiệp.



Hình 1. Hoạt động học tập của SV ngành TKTT

3.7. Thực trạng về mức độ vận dụng kiến thức nhóm môn Mỹ thuật vào hoạt động nghề nghiệp TKTT

Nghiên cứu xây dựng 09 yếu tố về vận dụng kiến thức nhóm môn Mỹ thuật gắn kết với hoạt động nghề nghiệp TKTT trên cơ sở tầm quan trọng và công việc thực hiện thực tế hiện nay tại các cơ sở trong lĩnh vực thời trang. Kết quả khảo sát như bảng sau:

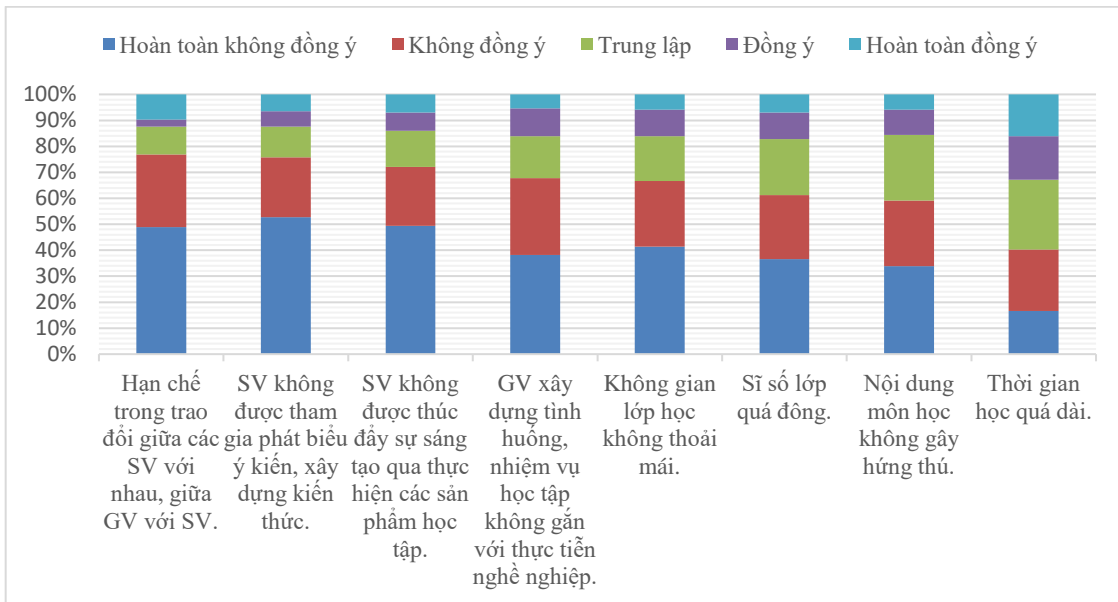
Bảng 5. Các yếu tố về mức độ vận dụng kiến thức nhóm môn Mỹ thuật vào hoạt động nghề nghiệp TKTT

STT	Yếu tố	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
1	Vận dụng kiến thức các môn Mỹ thuật đã học để có cái nhìn thẩm mỹ trong mọi tình huống.	4.13	0.72	6
2	Vận dụng kiến thức các môn Mỹ thuật đã học để hình thành ý tưởng thiết kế các mẫu thời trang.	4.30	0.65	3
3	Vận dụng kiến thức các môn Mỹ thuật đã học để trình bày ý tưởng thiết kế các mẫu thời trang.	4.29	0.73	4
4	Vận dụng được kiến thức các môn Mỹ thuật đã học trong thiết kế nhiều thể loại trang phục khác nhau.	4.15	0.78	5
5	Vận dụng kiến thức các môn Mỹ thuật đã học để tạo ra bản vẽ TKTT.	4.34	0.70	2
6	Vận dụng kiến thức các môn Mỹ thuật đã học để tạo ra sản phẩm thời trang.	4.15	0.84	5
7	Vận dụng kiến thức các môn Mỹ thuật đã học để định hướng phong cách thiết kế.	3.97	0.88	7
8	Vận dụng kiến thức các môn Mỹ thuật đã học để giao tiếp, giao lưu trong lĩnh vực thời trang.	3.83	0.93	8
9	Vận dụng kiến thức các môn Mỹ thuật đã học để giải quyết các công việc phát sinh gần chuyên môn (ví dụ: đồ họa, nhiếp ảnh, trang trí sự kiện,...)	4.35	0.72	1
Trung bình chung:		4.17	0.72	

Kết quả Bảng 5. cho thấy, các SV đánh giá mức độ vận dụng kiến thức nhóm môn Mỹ thuật gắn kết với hoạt động nghề nghiệp TKTT với TB = 4.17 (ĐLC = 0.72), đạt mức “Đồng ý” theo quy ước thang đo. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn của các yếu tố tương đối cao, thể hiện câu trả lời có sự phân tán lớn, điểm trung bình không đại diện tốt cho tất cả ý kiến. Như vậy, nhóm môn Mỹ thuật cơ bản đã thể hiện được vai trò trong việc xây dựng kiến thức phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai của SV ngành TKTT. Tổ chức giảng dạy nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE đang đáp ứng yêu cầu về vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp. Tuy nhiên, qua phỏng vấn bổ sung, các SV mong muốn hoạt động học tập phong phú hơn, được trải nghiệm nhiều hơn. Việc vận dụng cái yếu tố mỹ thuật trong hoạt động TKTT còn ở mức độ năng khiếu cá nhân, bên cạnh các SV thể hiện tốt vẫn còn SV chưa biết cách vận dụng các kiến thức hiệu quả trên sản phẩm thời trang. Hoạt động dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE vẫn có thể được cải tiến tốt hơn nữa để nâng cao hơn sự gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp.

3.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

Nghiên cứu tiến hành tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập nhóm môn Mỹ thuật của SV ngành TKTT tại HCMUTE với 9 yếu tố tiêu cực được đề ra, kết quả khảo sát được khái quát theo biểu đồ sau.



Hình 2. Ý kiến của SV về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT

Theo Hình 2., đa số yếu tố được đề cập không ảnh hưởng nhiều đến kết quả học tập của SV. Tuy nhiên mức độ “hoàn toàn không đồng ý” và “không đồng ý” chỉ ở mức 40%-77%, cho thấy vẫn còn nhiều trường hợp ngược lại. Các yếu tố được sắp xếp theo thứ tự giảm dần từ trái sang phải trong sơ đồ. Yếu tố “Nội dung học không gây hứng thú” (59.1% SV không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý) và “Thời gian học quá dài” (40.3% SV không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý); tỉ lệ này chưa cao chứng tỏ hai yếu tố này có ảnh hưởng đến kết quả học tập của một số SV. Điều này còn được thể hiện qua câu hỏi mở của phiếu khảo sát, có 36 SV nêu ý kiến về số lượng bài tập quá nhiều, gây áp lực cho SV.

4. Kết luận

Bài viết đã trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng dạy và học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE. Theo đó, phần lớn SV được khảo sát cho rằng việc đào tạo đã giúp các em vận dụng được kiến thức Mỹ thuật vào hoạt động nghề nghiệp ngành TKTT, chứng tỏ chất lượng đào tạo được đánh giá cao từ phía khách hàng (tức SV – người sử dụng dịch vụ giáo dục). Nhìn chung, thực trạng dạy học nhóm môn Mỹ thuật trong đào tạo ngành TKTT tại HCMUTE thể hiện chất lượng dạy và

học ngành này tương đối khả quan, bước đầu đáp ứng được yêu cầu hiện tại của SV. Trong đó, các *phương pháp dạy học* được vận dụng đa dạng và có những PPDH tích cực, các hoạt động *đánh giá kết quả học tập* phân lớp đáp ứng được mục tiêu môn học và chuẩn đầu ra của chương trình, *hình thức học tập* của SV đa dạng. Bên cạnh đó, cần cần nhắc cải thiện một số yếu tố nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo như: Về *mục tiêu dạy học* cần tiếp tục nâng cao tính thực tiễn, tính ứng dụng trong ngành thời trang; Về *nội dung dạy học* cần tăng thêm thời lượng cho nhóm môn Mỹ thuật, triển khai theo hướng tăng cường sự bất kịp tính xu hướng trong TKTT; Về *phương pháp dạy học* cần đẩy mạnh thêm việc xây dựng các tình huống học tập hay nhiệm vụ học tập thật thiết thực, gắn với thực tiễn ngành TKTT; Về *hình thức tổ chức dạy học* nên phát triển cách tổ chức dạy học gắn với nhiều tình huống thực tiễn của nghề nghiệp hơn nữa, không gian học tập tăng thêm tính mở để đáp ứng đặc thù nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu này có thể là tài liệu tham khảo thiết thực cho các trường đại học khác có đào tạo ngành TKTT trong cả nước.

Xung đột lợi ích

Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích trong bài báo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N. X. Tra and D. P. Chi, "Some scientific foundations for developing an undergraduate fashion design program based on comparative education," *Journal of Technical Education Science*, Ho Chi Minh City University of Technology and Education, Special Issue on Education - Education and Competence Development of Learners, vol. 75B, Feb. 2023. doi: <https://doi.org/10.54644/jte.75B.2023.1348>.
- [2] T. T. Lam and P. T. Chinh, *Art Studies Textbook*. Hanoi: Vietnam National University Publishing House, 2007.
- [3] Ho Chi Minh City University of Technology and Education, "Undergraduate Program in Fashion Design," 2023.
- [4] N. V. Tuan, *Lecture Notes on Teaching Methodology*. Ho Chi Minh City University of Technology and Education, 2009.
- [5] O. Yezhova, K. Pashkevich, and N. V. Manoilenko, "Comparative Analysis of Foreign Models of Fashion Education," *Revista Românească pentru Educație Multidimensională*, 2018.
- [6] Parsons New School, "Undergraduate Programs," 2023. [Online]. Available: <https://www.newschool.edu/parsons/undergraduate/>. [Accessed: 11-Jul-2024].
- [7] ESMOD, "Styliste Designer Mode," 2023. [Online]. Available: <https://www.esmod.com/formation/styliste-designer-mode/>. [Accessed: 11-Jul-2024].
- [8] Istituto Marangoni, "Fashion Design," 2023. [Online]. Available: <https://www.istitutomarangoni.com/en/fashion-courses/fashion-design/fashion-design>. [Accessed: 11-Jul-2024].
- [9] National Institute of Fashion Technology (NIFT), "Fashion Design," 2023. [Online]. Available: <https://nift.ac.in/bfd>. [Accessed: 11-Jul-2024].
- [10] J. F. Hair, R. L. Tatham, R. E. Anderson, and W. Black, *Multivariate Data Analysis*. Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall, 2009.
- [11] D. T. K. Oanh, *Competency-Based Teaching in Higher Education*. Ho Chi Minh City National University Press, 2022.
- [12] B. Meier and N. V. Cường, *Technical Teaching Methodology: Methods and Teaching Processes*. C Eigenverlag, Berlin, 2011.
- [13] D. P. Chi and H. Anh, "Foundations, models, and tools for implementing interactive-oriented online teaching," *Journal of Technical Education Science*, Ho Chi Minh City University of Technology and Education, Special Issue on Education - Education and Competence Development of Learners, vol. 75B, Feb. 2023. doi: <https://doi.org/10.54644/jte.75B.2023.1323>.
- [14] D. P. Chi, *Action-Oriented Teaching: Foundations and Applications*. Ho Chi Minh City National University Press, 2020.
- [15] B. Cowie and B. Bell, "A model of formative assessment in science education," *Assessment in Education*, vol. 6, pp. 101-116, 1999.
- [16] L. A. Shepard, "Formative assessment: Caveat emptor," presented at ETS Invitational Conference The Future of Assessment: Shaping Teaching and Learning, New York, Oct. 10-11, 2005.
- [17] DES/VO, "National Curriculum Task Group on Assessment and Testing - A Report," London, DES, 1988.
- [18] W. Harlen and M. James, "Assessment and learning: Differences and relationships between formative and summative assessment," *Assessment in Education: Principles, Policy & Practice*, vol. 4, no. 3, pp. 365-379, 1997.




Nguyen Xuan Tra received the Bachelor of Art in Industrial Design at Hanoi University of Industrial Fine Art. Then he worked as a designer in design companies. He became an academic staff in Fine Arts and computer graphic at HCMUTE. He got Master of Science in Technical and Vocational Education and Training (TVET) at Otto-von-Guericke University in Magdeburg, Germany. He earned the PhD in Educational Science at the Dresden University of Technology, Germany. His current work focuses on training of drawing and illustration and doing researches in Education. Email: tranx@hcmute.edu.vn. ORCID: <https://orcid.org/0009-0003-9574-7210>



Tran Thien Nhan received the Bachelor of Art at Ho Chi Minh City University of Technology and Education (HCMUTE). Now he is a graduate student in the field of Education Science at HCMUTE. He is also working as a designer in a Fashion Design company in Ho Chi Minh City. Email: tranthiennhan0209@gmail.com. ORCID: <https://orcid.org/0009-0006-5713-2073>



Diệp Phương Chi received the B. Eng. from Ho Chi Minh City University of Technology and Education, Vietnam and the M.Sc degree. in TVET at Otto-von-Guericke University, Germany; She earned the PhD in Education at Technical University Dresden, Germany. Now, she is a lecturer at Institute of Technical Education, Ho Chi Minh City University of Technology and Education (HCMUTE). She is currently pursuing the pedagogical career with training the pedagogical knowledge and skills for pedagogical students at the HCMUTE as well as for in-service teachers at vocational schools, colleges, universities etc. She also does research in education with publications in the field of didactics, vocational teacher education, Online teaching etc. She is especially interested in action-oriented teaching and TVET (Technical Vocation Education and Training). Email: chidp@hcmute.edu.vn. ORCID:  <https://orcid.org/0009-0009-2957-1441>